

Số: /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch và ban hành Quy định quản lý theo
đề án điều chỉnh quy hoạch chung (tỷ lệ 1/5.000) thị trấn Phú Thịnh
và vùng phụ cận, giai đoạn đến năm 2025 và 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến
Quy hoạch ngày 29/11/2018;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về
việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010
về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số
44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch
xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng
quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đề án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch
đô thị và quy hoạch xây dựng phân khu chức năng đặc thù;*

*Căn cứ Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban
hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 10/01/2014 của UBND tỉnh
Quảng Nam phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Nam giai đoạn
đến năm 2020 - 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 1691/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 của UBND tỉnh
phê duyệt quy hoạch và ban hành Quy định quản lý kèm theo đề án Quy hoạch
xây dựng vùng huyện Phú Ninh giai đoạn đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 4564/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của UBND tỉnh
Quảng Nam phê duyệt quy hoạch chung xây dựng đô thị trung tâm huyện Phú
Ninh;*

*Căn cứ Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 20/03/2019 của UBND tỉnh
Quảng Nam phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch chung
(tỷ lệ 1/5.000) thị trấn Phú Thịnh và vùng phụ cận giai đoạn đến năm 2025 và
2030;*

Thực hiện Thông báo số 169-TB/TU ngày 28/5/2021 của Tỉnh ủy về Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đề án điều chỉnh quy hoạch chung tỷ lệ (1/5.000) thị trấn Phú Thịnh và vùng phụ cận, giai đoạn đến năm 2025 và năm 2030;

Theo Thông báo số 43/TB-SXD ngày 12/5/2022 của Hội đồng thẩm định về Kết luận của đồng chí Lê Trí Thanh – Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch Hội đồng thẩm định đề án điều chỉnh Quy hoạch chung (tỷ lệ 1/5000) thị trấn Phú Thịnh và vùng phụ cận, giai đoạn đến năm 2025 và năm 2030 kèm theo văn bản thẩm định của các thành viên Hội đồng thẩm định;

Căn cứ Quyết định số 1996/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt điều chỉnh Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 20/3/2019 của UBND tỉnh phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán lập hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch chung (tỷ lệ 1/5.000) thị trấn Phú Thịnh và vùng phụ cận, giai đoạn đến năm 2025 và 2030;

Xét đề nghị của UBND huyện Phú Ninh tại Tờ trình số 145/TTr-UBND ngày 22/7/2022 về việc đề nghị phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung (tỷ lệ 1/5.000) thị trấn Phú Thịnh và vùng phụ cận, giai đoạn đến năm 2025 và năm 2030 kèm theo hồ sơ quy hoạch và văn bản pháp lý liên quan;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Kết quả thẩm định quy hoạch xây dựng số 14/ThĐ-SXD ngày 18/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung (tỷ lệ 1/5.000) thị trấn Phú Thịnh và vùng phụ cận, giai đoạn đến năm 2025 và 2030; với các nội dung như sau:

1. Tên đề án: Điều chỉnh Quy hoạch chung (tỷ lệ 1/5.000) thị trấn Phú Thịnh và vùng phụ cận, giai đoạn đến năm 2025 và 2030.

2. Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch chung

- Toàn bộ địa giới hành chính của thị trấn Phú Thịnh và một phần ranh giới xã Tam Thái, xã Tam Đàn, huyện Phú Ninh; có ranh giới tứ cận:

+ Phía Đông: giáp đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi;

+ Phía Tây: giáp xã Tam Vinh;

+ Phía Bắc: giáp xã Tam Phước;

+ Phía Nam: giáp xã Tam Dân.

- Quy mô diện tích: khoảng 713ha, bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của thị trấn Phú Thịnh khoảng 648ha và một phần ranh giới xã Tam Thái, xã Tam Đàn khoảng 65ha.

3. Tính chất, chức năng của đô thị.

- Đô thị Phú Thịnh: là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của huyện Phú Ninh; là đô thị trung tâm của huyện Phú Ninh có tính kết nối với

thành phố Tam Kỳ. Đạt tiêu chuẩn đô thị loại V, định hướng đến năm 2030 hoàn thiện một số tiêu chuẩn hạ tầng của đô thị loại IV.

- Vùng phụ cận: tập trung phát triển thương mại, dịch vụ và dân cư có mật độ thấp.

4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu và hướng phát triển đô thị

a) Quy mô dân số:

- Đến năm 2025: 9.900 người.

- Đến năm 2030: 11.000 người, trong đó thị trấn Phú Thịnh khoảng 10.000 người và vùng phụ cận khoảng 1.000 người.

b) Chỉ tiêu đất dân dụng bình quân toàn đô thị: đạt khoảng 100 m²/người.

c) Chỉ tiêu hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật: tuân thủ theo Quy chuẩn Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD và Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị. Cụ thể:

- Đất nhóm nhà ở khoảng 52,5m²/người; đất cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị khoảng 8,62m²/người; đất xây dựng công trình dịch vụ công cộng đô thị khoảng 3,78 m²/người;

- Cấp nước sinh hoạt 120 lít/người/ng.đ; thoát nước thải 120 lít/người/ng.đ; rác thải 0,9 kg/người/ng.đ; cấp điện sinh hoạt 1.000kW/ng-năm.

d) Hướng phát triển đô thị

- Định hướng phát triển về phía Tây đường Phan Chu Trinh: phát triển kết nối khu trung tâm hành chính thị trấn kết hợp với các công trình TMDV, khu phố chợ, khu dân cư mới,...

- Định hướng phát triển về phía Đông đường Phan Chu Trinh: mở rộng các khu dân cư mới, đặc biệt định hướng phát triển quỹ đất thương mại dịch vụ hai bên đường ĐT616 (đường Huỳnh Thúc Kháng), phát triển của các khu vực dân cư nhà vườn, biệt thự tại khu vực vùng phụ cận (giáp đến đường Cao tốc).

5. Định hướng phát triển không gian đô thị:

a) Phân khu chức năng

Toàn đô thị phân thành 03 phân khu và 01 vùng phụ cận.

- Phân khu 1: khu lõi trung tâm đô thị, quy mô khoảng 145ha, bao gồm các chức năng đóng vai trò là trung tâm hành chính, công cộng, thương mại và hỗn hợp... tạo động lực phát triển chính cho toàn đô thị Phú Thịnh.

- Phân khu 2: khu trung tâm đô thị, quy mô khoảng 203ha, bao quanh khu lõi đô thị bao gồm các chức năng thương mại dịch vụ, hỗn hợp, khu ở, cảnh quan đô thị... có vai trò kết nối đô thị.

- Phân khu 3: các khu chức năng, quy mô khoảng 300ha, gồm các chức năng như công nghiệp, làng nghề, các khu ở hiện hữu, ở mới kết hợp phát triển kinh tế nông nghiệp...

- Phân khu 4: vùng phụ cận quy mô khoảng 65ha, gồm các chức năng thương mại, dịch vụ và dân cư có mật độ thấp.

b) Định hướng phát triển không gian đô thị

- Khu trung tâm hành chính: nằm trong khu vực trung tâm đô thị, hiện đã quy hoạch và xây dựng cơ bản hoàn thiện. Định hướng quy hoạch đến năm 2030, tiếp tục xây dựng hoàn thiện các hạng mục hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho lõi trung tâm đô thị, kết hợp xây dựng công trình tạo cảnh quan đô thị cho khu trung tâm.

- Khu thương mại dịch vụ và hỗn hợp: được quy hoạch bố trí phân tán trong khu quy hoạch. Khu thương mại dịch vụ phân bố khu vực phía Bắc và phía Nam khu quy hoạch, tại những vị trí có tiềm năng phát triển thương mại. Khu hỗn hợp dọc theo các trục đường chính như đường Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng.

- Khu trung tâm văn hóa – thể dục thể thao và quảng trường: bố trí tại khu vực lõi trung tâm đô thị, kết hợp với khu cây xanh, mặt nước tạo thành không gian mở cho đô thị.

- Khu trung tâm y tế và giáo dục: giữ nguyên theo quy hoạch đã duyệt, gồm các công trình trung tâm y tế huyện, trung tâm y tế thị trấn và các trường mẫu giáo, tiểu học, trung học ... với quy mô phù hợp theo định hướng phát triển của đô thị.

- Khu cây xanh cảnh quan, mặt nước: tận dụng hệ thống sông suối, kênh hồ Phú Ninh để tạo các không gian cây xanh cảnh quan và hồ điều tiết. Bố trí các khu công viên cây xanh tập trung trong các khu ở.

- Các khu ở, nhóm nhà ở: các khu ở được quy hoạch gồm khu ở chỉnh trang và khu ở mới. Khu ở chỉnh trang trên cơ sở các khu dân cư hiện hữu, chủ yếu nằm trong phạm vi khu vực trung tâm và các làng xóm theo các tuyến đường của khu quy hoạch. Khu ở mới, định hướng tổ chức gồm: khu ở mật độ cao (nhà ở liền kề) bố trí trên các tuyến chính để phát triển các khu ở mới; khu ở mật độ thấp (nhà vườn, biệt thự) bố trí xem kẽ và gần các khu dân cư hiện hữu.

Ngoài ra, trong khu quy hoạch có các khu sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, khu làng nghề truyền thống, khu di tích, khu nghỉ trang,... và các khu vực dự trữ phát triển.

c) Các khu vực hạn chế xây dựng:

- Khu vực hồ điều tiết quảng trường trung tâm huyện.

- Khu vực di tích đã được công nhận.

- Khu vực suối La Ngà, hành lang đường điện 500KV và hành lang đường Cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi.

- Giữ nguyên hệ thống sông suối tự nhiên trong và ngoài thị trấn Phú Thịnh. Trong đó hạn chế xây dựng, cải tạo và thay đổi hiện trạng mặt nước.

- Không xây dựng các công trình trên hành lang bảo vệ suối La Ngà.

6. Quy hoạch sử dụng đất:

Stt	CÁC LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	ĐẾN NĂM 2025		ĐẾN NĂM 2030	
			DIỆN TÍCH (HA)	TỶ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (HA)	TỶ LỆ (%)
A	THỊ TRẤN PHÚ THỊNH		648,00	100,00	648,00	100,00
A.1	ĐẤT DÂN DỤNG		86,87	13,41	99,86	15,41
1	Đất nhóm nhà ở	O	45,46	7,02	48,30	7,45
1.1	Đất nhóm nhà ở chính trang	HT	18,85	2,91	18,85	2,91
1.2	Đất nhóm nhà ở mới (Đất ở liền kề)	OLK	18,74	2,89	21,32	3,29
1.3	Đất nhóm nhà ở mới (Đất ở nhà vườn, biệt thự)	ONV	7,87	1,21	8,13	1,25
2	Đất cơ quan, trụ sở đô thị	CC	3,53	0,54	3,53	0,54
3	Đất cây xanh sử dụng công cộng	CX	8,62	1,33	8,62	1,33
4	Đất cơ sở thương mại - dịch vụ đô thị	TMDV	1,12	0,17	4,88	0,75
5	Đất sử dụng hỗn hợp (Tỷ lệ đất 30% đất nhóm ở và 70% đất TMDV)	HH	9,81	1,51	14,18	2,19
6	Đất cơ sở y tế đô thị	YT	0,25	0,04	0,25	0,04
7	Đất cơ sở giáo dục đô thị	TH	3,04	0,47	3,04	0,47
8	Đất cơ sở văn hóa đô thị	VH	0,49	0,08	0,49	0,08
9	Đất giao thông và HTKT khác cấp đô thị	GT	14,55	2,25	16,57	2,56
A.2	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG		225,70	34,83	237,24	36,61
1	Đất công cộng, cơ quan, trụ sở ngoài đô thị	CC,HC	18,15	2,80	18,15	2,80
2	Đất an ninh, quốc phòng	QS	1,62	0,25	1,62	0,25
3	Đất cơ sở văn hóa, TDTT	TDTT	3,41	0,53	3,41	0,53
4	Đất cơ sở y tế ngoài đô thị	YT	1,87	0,29	1,87	0,29
5	Đất cơ sở giáo dục ngoài đô thị	TH	2,75	0,42	2,75	0,42
6	Đất cơ sở thương mại, dịch vụ	TMDV	9,20	1,42	14,01	2,16
7	Đất sản xuất công nghiệp, kho tàng	CN	12,40	1,91	12,40	1,91
8	Đất di tích, tôn giáo	DT,TG	8,14	1,26	8,14	1,26
9	Đất giao thông đối ngoại	GT	85,39	13,18	92,12	14,22
10	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	HTKT	4,28	0,66	4,28	0,66
11	Đất cây xanh cảnh quan, đồi núi và hành lang cách ly	CX	78,49	12,11	78,49	12,11
A.3	KHU NÔNG NGHIỆP VÀ CHỨC NĂNG KHÁC		335,43	51,76	310,90	47,98
1	Đất sản xuất nông nghiệp	NN	41,72	6,44	41,73	6,44
1.1	Đất hoa màu	HM	24,89	3,84	24,89	3,84

Stt	CÁC LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	ĐẾN NĂM 2025		ĐẾN NĂM 2030	
			DIỆN TÍCH (HA)	TỶ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (HA)	TỶ LỆ (%)
1.2	Đất ruộng lúa	RL	16,83	2,60	16,84	2,60
2	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NT	8,95	1,38	8,95	1,38
3	Đất làng nghề truyền thống	LN	10,58	1,63	10,58	1,63
4	Đất dự trữ phát triển	DT	258,92	39,96	234,38	36,17
5	Mặt nước (sông suối, hồ, ao, kênh,...)	MN	15,26	2,35	15,26	2,35
B	VÙNG PHỤ CẬN		65,00	315,00	65,00	100,00
1	Đất xây dựng khu ở nông thôn	O	24,87	210,00	33,12	50,95
1.1	Đất khu ở (Chỉnh trang)	HT	9,64	70,00	9,64	14,83
1.2	Đất khu ở mới (Liên kề)	OLK	12,11	80,00	15,72	24,18
1.3	Đất khu ở mới (Nhà vườn, biệt thự)	ONV	3,12	60,00	7,76	11,94
2	Đất công trình công cộng, dịch vụ	CC	0,82	40,00	0,82	1,26
3	Đất công trình Thương mại dịch vụ	TMDV	1,94	60,00	3,96	6,09
4	Đất cây xanh công cộng	CX	0,38	5,00	0,38	0,58
5	Đất hành lang cách ly	CXCL	7,53	0,00	7,53	11,58
6	Đất dự trữ phát triển	DT	21,58	0,00	9,40	14,46
7	Đất giao thông và HTKT	GT	7,88	0,00	9,79	15,06
TỔNG			713,00	100,00	713,00	100,00

7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

a) Giao thông:

* Giao thông đối ngoại: Bao gồm 3 tuyến chính

- Tuyến đường Huỳnh Thúc Kháng.

+ Đoạn mặt cắt 3-3, rộng 27m (6m+15,0m+6m).

+ Đoạn mặt cắt 3*-3*, rộng 48m (3m+7,5m+6.0m+15m +6m+7,5m+3m).

- Tuyến đường Phan Chu Trinh, mặt cắt 2-2, rộng 30m (6m+7,5m+3m+7,5m+6m).

- Tuyến đường Quang Trung:

+ Đoạn kênh chính đến qua đường ĐH2.PN, mặt cắt 6-6, rộng 17,5m (5m+7,5m+5m).

+ Đoạn ĐH2.PN đến đường OFID, mặt cắt 3-3, rộng 27m (6m+15m+6m).

* Giao thông đối nội:

- Đường trục chính: Bao gồm các tuyến chính như sau:

+ Tuyến đường Nguyễn Tất Thành, mặt cắt 1-1, rộng 57m (12m+10,5m+12m+10,5m+12m).

+ Tuyến đường Võ Nguyên Giáp, mặt cắt 2-2, rộng 30m (6.0m+7,5m+3m+7,5m+6m).

- Các trục đường khu vực: Bao gồm các tuyến còn lại,

+ Tuyến đường mặt cắt 5-5, rộng 19,5m (6m+7.5m+6m); mặt cắt 5*-5*, rộng 27m (9,75m+7,5m+9,75m).

+ Tuyến đường mặt cắt 6-6, rộng 17,5m (5m+7,5m+5m).

+ Tuyến đường mặt cắt 7-7, rộng 62m (6m+7,5m+35m+7,5m+6m).

* Bến xe, bãi đỗ xe

- Quy hoạch bến xe cấp IV, quy mô 6.000m² trên tuyến đường Huỳnh Thúc Kháng.

- Quy hoạch 4 bãi đỗ xe, quy mô 2,5ha bố trí phân tán gần các khu công cộng, công viên cây xanh.

b) Chuẩn bị kỹ thuật

* Cao độ nền: Tôn trọng nền địa hình tự nhiên. Cao độ nền không chế $\geq 11,56\text{m}$. Độ dốc không chế đường trục chính đô thị: $I_{\text{max}} \leq 2\%$; độ dốc không chế đường nội bộ: $I_{\text{max}} \leq 3\%$.

* Thoát nước mưa: Hệ thống thoát nước mưa riêng, hoạt động theo chế độ tự chảy. Phân chia lưu vực theo dạng phân tán thoát theo một hướng chính, các lưu vực chủ yếu tập trung hướng thoát nước về phía suối La Ngà hướng Tây - Bắc. Kết cấu công sử dụng chủ yếu là cống tròn, cống hộp với kích thước từ (600x800 - 2000x 3000)mm và ($\phi 600$ - $\phi 800$)mm.

c) Cấp nước

- Thị trấn Phú Thịnh và vùng phụ cận toàn bộ được cấp nước máy từ Nhà máy nước Phú Thịnh, công suất 1.500m³/ng.đ, dự kiến nâng cấp lên 4.000m³/ng.đ giai đoạn đến 2020 và lên 7.000m³/ng.đ cho giai đoạn đến 2030.

- Tổng lưu lượng nước tính toán đến năm 2025 khoảng 1.200 m³/ng.đ; đến năm 2030 khoảng 2.000 m³/ng.đ.

d) Cấp điện

* Tổng phụ tải điện tính toán và nguồn điện:

- Công suất dự kiến cấp điện cho toàn khu vực đến năm 2025 là 10000kVA, đến năm 2030 là 11200kVA với công suất trên nguồn từ trạm biến áp E15 đảm bảo cấp điện cho khu vực. Xây dựng 06 trạm biến áp mới 250÷560kVA-22/0,4kV để đảm bảo cung cấp cho khu vực.

* Giải pháp cấp điện:

- Mạng 35kV: Đề xuất điều chỉnh nấn tuyến theo quy hoạch khu vực sân vận động, huyện đội, nhà máy nước đến khu vực trước bệnh viện, tổng chiều dài khoảng 1,5km còn các phần đường dây khác được giữ nguyên theo hiện

trạng.

- Mạng lưới 35kV, 22kV: Toàn bộ đường dây giữ nguyên hiện trạng và thay mới một phần, cấp điện áp 22kV đấu nối nguồn từ trạm trung gian và các xuất tuyến 22kV giai đoạn đầu chạy dọc theo tuyến giao thông quy hoạch mới kết hợp với việc vận dụng các xuất tuyến đường dây cũ đã được nâng cấp, để đảm bảo sự đồng bộ, độ tin cậy cung cấp điện và giảm kinh phí đầu tư một cách tối ưu nhất.

- Các tuyến 22kV đi qua khu vực hiện trạng phải tuân thủ đúng khoảng cách hành lang an toàn điện, luật điện lực và đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Lưới 0,4kV: Từ trạm biến áp phân phối tổ chức từ 3 đến 4 tuyến 0,4kV theo dạng hình tia dọc theo các tuyến đường liên khu vực để cung cấp điện đến các hộ dân. Mạng lưới điện đi nối tránh bị ảnh hưởng do mưa bão và lũ lụt.

e) Hệ thống thông tin liên lạc:

- Quy hoạch phát triển hạ tầng thu phát sóng thông tin di động (trạm BTS): Dự kiến bố trí 05 trạm BTS, quy mô diện tích khoảng 25m²/trạm. Trong quá trình triển khai quy hoạch chi tiết tại khu vực quy hoạch các trạm BTS nêu trên, phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành về thông tin xác định cụ thể phạm vi ranh giới của các trạm BTS.

- Quy hoạch phát triển hạ tầng mạng cáp viễn thông:

+ Đối với khu vực cần phải di dời hoặc thiết lập mới hạ tầng mạng cáp viễn thông khi thực hiện quy hoạch: xây dựng, bố trí hạ tầng kỹ thuật viễn thông (ngầm hoặc treo) để phát triển các tuyến cáp viễn thông theo quy hoạch.

+ Đối với khu vực không cần di dời hạ tầng mạng cáp viễn thông để khi thực hiện quy hoạch: chỉnh trang, ngầm hóa hạ tầng viễn thông theo kế hoạch hàng năm của địa phương.

g) Hệ thống thoát nước thải, xử lý chất thải rắn, nghĩa trang

* Thoát nước thải

- Tổng lượng nước thải tính toán đến năm 2025 khoảng 960m³/ng.đ; đến năm 2030 khoảng 1.600m³/ng.đ.

- Bố trí hệ thống thoát nước thải riêng với hệ thống thoát nước mưa. Toàn bộ nước thải sinh hoạt phải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại đúng tiêu chuẩn trước khi thoát ra công thoát nước thải để thu gom nước thải về nhà máy xử lý nước thải tập trung. Nước thải bệnh viện và nước thải công nghiệp được xử lý riêng trong bệnh viện và nhà máy theo quy định từng ngành.

- Xây dựng 01 nhà máy xử lý, công suất giai đoạn đầu 2025: 1000 m³/ng.đ và năm 2030 nâng công suất lên 1600 m³/ng.đ đặt tại phía Tây Bắc thị trấn. Nước thải sau xử lý tại nhà máy sẽ thoát vào Suối La Ngà.

* Xử lý chất thải rắn:

- Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt tính toán đến năm 2025 khoảng 8

tấn/ng.đ; đến năm 2030 khoảng 12 tấn/ng.đ.

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom bằng xe chuyên dụng đến khu xử lý chất thải rắn của huyện. Chất thải rắn y tế sẽ đốt tại lò đốt chất thải rắn y tế theo đúng tiêu chuẩn quy định; chất thải công nghiệp được tập trung, phân loại và thu gom bằng xe chuyên dụng đến khu xử lý CTR của Huyện.

* Nghĩa trang:

Nghĩa trang với quy mô khoảng 5ha, nằm ở phía Tây Nam thị trấn và được quy hoạch với hệ thống cây xanh cách ly bao quanh. Trong đó xây dựng nhà mai táng, hệ thống đường và quy hoạch hệ thống quản lý mai táng.

h) Biện pháp bảo vệ môi trường

- Trồng các hành lang cây xanh với nhiều dải cây xanh dọc các tuyến đường nhằm giảm ô nhiễm không khí, tiếng ồn. Tổ chức không gian cây xanh và các không gian mở trong đô thị, tổ chức không gian cây xanh đường phố, khu nhà ở, khu công nghiệp, các vườn hoa nhỏ, công viên,...

- Xây dựng kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng đô thị hợp lý và đồng bộ kết hợp với áp dụng các biện pháp giảm phát thải bụi, thu gom rác thải và vệ sinh đường phố, cải tạo hệ thống giao thông vận tải thông suốt, an toàn và thuận lợi.

- Khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên nước, đặc biệt là nguồn nước mặt; hạn chế khai thác nguồn nước ngầm. Nâng cấp hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, bảo vệ môi trường nước; xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý, làm sạch nước thải đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

- Chất thải rắn trong sinh hoạt của người dân phải được thu gom phân loại và chuyển đến vị trí xử lý theo quy định.

- Trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư, thực hiện các thủ tục về môi trường theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

8. Các chương trình ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

a) Các chương trình ưu tiên đầu tư

- Đầu tư hệ thống giao thông khu vực và hoàn thiện khớp nối hệ thống hạ tầng khung đô thị.

- Đầu tư xây dựng một số dự án nhà ở.

- Đầu tư xây dựng các công trình an sinh xã hội và nhà máy xử lý nước thải.

b) Nguồn lực thực hiện

- Đối với nguồn vốn ngân sách: ngoài các nguồn vốn đầu tư cho các dự án của Trung ương trên địa bàn, sử dụng nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ để tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu.

- Đối với nguồn vốn khác: huy động tối đa nguồn vốn từ quỹ đất cho phát triển đô thị, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

- Đối với các nguồn vốn bên ngoài: tăng cường thu hút vốn để đầu tư cho các chương trình, dự án trọng điểm, ưu tiên cho phát triển giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường, hạ tầng,...

Điều 2. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung (tỷ lệ 1/5.000) thị trấn Phú Thịnh và vùng phụ cận, giai đoạn đến năm 2025 và 2030.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Phú Ninh

- Công bố đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Phú Thịnh và khu vực phụ cận giai đoạn đến năm 2025 và 2030 theo đúng quy định hiện hành; tổ chức thực hiện và quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch được duyệt.

- Lập kế hoạch triển khai lập, điều chỉnh các quy hoạch liên quan theo từng giai đoạn quy hoạch; rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy hoạch, quy định quản lý có liên quan đã ban hành cho phù hợp với đồ án quy hoạch được phê duyệt.

- Rà soát, điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị theo quy hoạch điều chỉnh được duyệt.

- Lập quy chế quản lý kiến trúc theo quy định hiện hành.

- Chỉ đạo UBND thị trấn Phú Thịnh, UBND xã Tam Đàn và UBND xã Tam Thái và các Phòng, đơn vị liên quan thực hiện công tác quản lý quy hoạch, quản lý đất đai, quản lý hiện trạng, trật tự xây dựng, trật tự đô thị; chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan giám sát hoạt động đầu tư xây dựng và phát triển đô thị, cải tạo không gian kiến trúc cảnh quan đô thị trong địa giới hành chính quản lý theo đúng Quy định này.

2. Sở Xây dựng

- Hướng dẫn UBND huyện Phú Ninh quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan toàn đô thị; quản lý xây dựng theo quy hoạch chung đô thị được duyệt;

- Phối hợp với các Sở, ngành có liên quan trong việc quản lý đầu tư phát triển đô thị theo đúng quy định hiện hành và quy hoạch được duyệt; kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch.

3. Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Sở, Ban, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao hướng dẫn và phối hợp với UBND huyện Phú Ninh trong quá trình quản lý, phát triển đô thị Phú Thịnh và vùng phụ cận theo đúng quy hoạch được duyệt.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 4564/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt

quy hoạch chung xây dựng đô thị trung tâm huyện Phú Ninh.

Điều 5. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Phú Ninh; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTTH, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Trí Thanh